

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN , TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Sơn Hùng;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ý Nh, sinh năm 1998. (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Chòm X, xã Thường Ph1, huyện Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thạnh H, xã Thạnh Mỹ T, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ý Nh trình bày: Chị và anh T quen biết, tìm hiểu nhau và chung sống năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ T vào năm

2020. Sau khi cưới cuộc sống ban đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, vợ chồng phát sinh Nhều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm. Nay không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh T. Con chung có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/6/2018 đang ở với chị Nh. Ly hôn, chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu; Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Võ Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của chị Nh và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/6/2018, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu B do chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo yêu cầu của chị Nh muốn tiếp tục nuôi con, nên đề nghị giao cháu B cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nh không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Võ Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã Thạnh Mỹ T, huyện CP. Chị Nh khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nh và anh T chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã và phát sinh Nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Nh xin ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án chị Nh kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nh đã kiên quyết ly hôn, Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh.

- Về con chung: Chị Nh và anh T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/6/2018 hiện đang ở với chị Nh. Ly hôn, chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu B. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu B do chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để đảm B cuộc sống của con chung, theo yêu cầu của chị Nh muốn nuôi con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn

Gia B, sinh ngày 05/6/2018 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ý Nh.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ý Nh được ly hôn với anh Võ Văn T.

Giấy chứng nhân đăng ký kết hôn số 101 ngày 11/5/2018 của Ủy ban dân xã Thạnh Mỹ T, huyện CP không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Ý Nh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nh cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ý Nh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003481 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Thạnh Mỹ T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ